| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAI LẬY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 49/2021/DS-ST
Ngày: 22-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 387/2020/TLST–DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thái Thị Nh, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh T.

Chị Nh có đơn xin vắng mặt, ông D vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nh trình bày:

Vào đầu năm 2020, ông D và chị có thỏa thuận bơm nước ngọt tưới tiêu cho các hộ dân ấp Mỹ Thuận, xã Long Tiên, giá thỏa thuận 3.500.000/01 xà lang nước. Bơm bao nhiêu tính bấy nhiêu, ông D đại diện nhận tiền các hộ dân và trả cho chị. Trong 3 tháng bơm nước tổng cộng số tiền hơn 600.000.000 đồng, ông D đã thanh

toán cho chị nhiều lần, còn lại 200.000.000 đồng. Chị đã nhiều lần yêu cầu ông D trả nợ, nhưng ông D nói chờ ngân sách nhà nước quyết toán xong cho các hộ dân sẽ trả lại cho chị Nh.

Đến ngày 04/6/2020, ông D có làm cho chị biên nhận nợ, ông D hứa sẽ trả cho chị số tiền 200.000.000 đồng trong vòng một tháng. Sau khi ông D đã nhận hết tiền ngân sách nhưng vẫn không trả tiền cho chị. Nay chị yêu cầu ông D trả số tiền 200.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nh và ông D theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu của chị Nh, thấy rằng: Tại giấy nhận nợ ngày 04/6/2020, thể hiện ông D còn nợ chị Nh số tiền bơm nước 200.000.000 đồng, hẹn trả trong vòng một tháng và ông D có ký tên. Đến hạn trả nợ mà ông D không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 515, Điều 519 Bộ luật dân sự. Mặt khác, ông D không phản đối yêu cầu khởi kiện của chị Nh nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh.

[4] Về án phí: Ông D phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 513, 515, 518, 519 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị Nh.

2. Buộc ông Lê Văn D có nghĩa vụ trả ngay cho chị Thái Thị Nh số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nh có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông D chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí:

4.1. Ông Lê Văn D phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Hoàn lại cho chị Thái Thị Nh 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0005844 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Chị Nh, ông D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Vĩnh Đức**